

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HS-ST

Ngày 19-9-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Bá Long

2. Bà: Nguyễn Thị Trúc

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 08 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49 /2019/QĐXXST-HS ngày 05/9/2019, đối với bị cáo;

Hoàng Văn T sinh năm 1979 sinh tại huyện S tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện S, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn Th và bà Lê Thị G; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 12/07/2019; tạm giam ngày 15/07/2019 có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: - Bà Lê Thị H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Nơi cư trú Xóm 7, xã S, huyện S, tỉnh H.

* Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị T, Sinh năm 1944 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện X, tỉnh H.

2. Anh Lê Đình V, Sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 7, xã S, huyện S, tỉnh H.

3. Anh Mai Văn Th, Sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 1, xã C, huyện S, tỉnh H.

4. Anh Lê Ích P, Sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đô Th, xã N, huyện S, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 27/01/2019, Hoàng Văn T, Sinh năm 1979 ở thôn T, xã N, huyện S đi bộ từ nhà đến nhà bà Lê Thị H, sinh năm 1954 ở xóm 7, xã S, huyện S, nhưng bà H không có nhà. T gặp bà Lê Thị T`1 là em bà H và ông Lê Đình V người cùng xóm đang ở nhà bà H. T ngồi uống nước cùng với bà T1 và ông V tại bàn uống nước ở ngoài sân thì trông thấy trên bàn có trên bàn có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu hồng của bà Lê Thị H. Lợi dụng bà T và ông V không để ý, T lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải của mình rồi đi về. Thông đến nhà Lê Ích P, sinh năm 1990 ở cùng thôn với T để nhờ P chở đi bán điện thoại. P đồng ý và chở T đến quán anh Mai Văn Th, sinh năm 1991 ở xóm 1, xã C, huyện S bán được 1.100.000đ. Bán điện thoại xong, P và T đi xuống xã H huyện S mua ma túy của một người không quen biết hết 400.000đ và tiêu xài cá nhân hết 250.000đ; còn lại 450.000đ T giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện S.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 22/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện S kết luận: Chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu hồng có giá trị 2.300.000 đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T bỏ trốn ngày 18/06/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S có Quyết định truy nã số: 04/QĐTN đối với Hoàng Văn T. Đến ngày 12/07/2019, Hoàng Văn T bị bắt theo Quyết định truy nã.

Bị hại bà Lê Thị H yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền mà T đã trộm cắp chiếc điện thoại.

Chiếc điện thoại sau khi Mai Văn Th mua của bị cáo T xong khoảng 30 phút sau đã bán được 1.500.000đ cho một người không quen biết nên Cơ quan Công an điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại Iphone 6s màu hồng.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, Hoàng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 45/CT-VKS ngày 01/08/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Hoàng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo: Hoàng Văn T từ 07 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 07 năm 2019.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã thu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo còn phải trả lại cho bị hại số tiền 1.850.000 đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 48 BLHS trả cho bị hại số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có gì để nói.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo khoảng 14 giờ ngày 27/01/2019, Hoàng Văn T đi bộ từ nhà đến nhà bà Lê Thị H, ở xóm 7, xã Vân Sơn, huyện S, nhưng bà H không có nhà. T gặp bà Lê Thị T1 là em bà H và ông Lê Đình V người cùng xóm đang ở

nhà bà H. T ngồi uống nước cùng với bà T1 và ông V tại bàn uống nước ở ngoài sân thì trông thấy trên bàn có trên bàn có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu hồng của bà Lê Thị H. Lợi dụng bà Tài và ông V không để ý, T lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải của mình rồi đi về. T đến nhà Lê Ích P ở cùng thôn với T để nhờ P chở đi bán điện thoại. P đồng ý và chở T đến quán anh Mai Văn Th, ở xóm 1, xã C, huyện S bán được 1.100.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 22/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện S kết luận: Chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu hồng có giá trị 2.300.000 đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, giấy báo cáo của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Hoàng Văn Tphạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội không lớn, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội và trên địa bàn, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân; bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ và mục đích của bị cáo là muốn có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu dùng cá nhân nhưng không chịu khó lao động nên đi trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo đã bỏ trốn sau khi bị cầm đi khỏi nơi cư trú là người nghiện ma túy, cần phải xử phạt tù bị cáo, nhằm giáo dục, cải tạo người phạm tội trở thành người tốt. Nhưng khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo.

Bị cáo trộm cắp tài sản mục đích là để tiêu sài cá nhân; hoàn cảnh gia đình đầu khó khăn; bản thân là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Lê Ích P và Mai Văn Th, quá trình điều tra xác định không biết nguồn gốc tài sản trên là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn không xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi Mai Văn Th mua điện thoại của bị cáo T với giá 1.100.000đ được khoảng 30 phút sau đã bán cho một người không quen biết với giá 1.500.000đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn không đề nghị xem xét. Hội đồng xét xử miễn xét.

T và P đi mua ma túy để sử dụng nhưng không rõ là mua của ai, trọng lượng bao nhiêu, ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn không xử lý. Hội đồng xét xử miễn xét.

Về bồi thường thiệt hại: Bà Lê Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s màu hồng theo định giá tài sản trị giá là 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật; bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát: Về phần dân sự là có căn cứ, các căn cứ và mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo, là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: Số tiền 450.000đ mà bị cáo T giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Sơn là số tiền bán điện thoại mà T tiêu sài còn lại thì trả cho bị hại là bà Lê Thị H, được trừ vào số tiền 2.300.000đ, bị cáo còn phải bồi thường cho bà Hòa số tiền 1.850.000 đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.
Tuyên bố bị cáo: Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo:

Hoàng Văn T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 12 tháng 07 năm 2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn là 45 ngày (bốn mươi lăm ngày) để bảo đảm cho việc thi hành án phạt tù.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn T tiếp tục phải bồi thường số tiền cho bị hại là bà Lê Thị H số tiền là 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử: Trả cho bị hại là Bà Lê Thị H số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản kê biên số 37 ngày 01/08/2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Văn Thông phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 19 tháng 09 năm 2019.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở chính quyền xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện S;
- UBND xã N, huyện S;
- Công an huyện S ;
- Chi cục Thi hành án dân sự S;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đại Long